

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM NÔNG  
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2024

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH PHÚ THỌ**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phùng Thị Ái Nguyên.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Đức Khởi  
2. Ông Hán Thanh Nhân
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trần Minh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.
- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Anh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2024/TLST- HNGĐ ngày 30/5/2024 về “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXX- ST ngày 28/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị L, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Khu A, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Lê Mạnh H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Khu A, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

( Các đương sự đều xin xét xử vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án chị Hà Thị L trình bày:

Chị và anh Lê Mạnh H đăng ký kết hôn ngày 15/01/2013 tại UBND xã V (nay là xã B), huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự nguyện tìm hiểu không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị và anh H về chung sống tại xã V (nay là xã B), huyện T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp nhau từ đó dẫn đến tình cảm rạn nứt không thể hàn gắn được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn cuộc sống chung không thể kéo dài được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về phía anh Lê Mạnh H: Lúc đầu Tòa án giải quyết vụ án, nhiều lần báo anh H đến làm việc nhưng anh H không chấp hành, sau Tòa án cùng chính quyền địa phương đến nhà lấy lời khai của anh H, anh H trình bày: Về thời gian kết hôn đúng như lời khai của chị L, về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do, năm 2015 chị L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, nhưng anh bỏ qua để vợ chồng chung sống. Đến năm 2022 chị L tự ý bỏ nhà đi không mâu thuẫn vợ chồng, cũng không mâu thuẫn gia đình, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay anh và gia đình cũng không biết chị L làm gì ở đâu, sau đó chị L có về thăm con một lần, Nay chị L xin ly hôn anh cũng nhất trí vì tình cảm của anh đối với chị không còn.

Về con chung: Anh H và chị L đều xác nhận vợ chồng có 03 con chung:

Lê Hồng P, sinh ngày 28/10/2013; Lê Hà P1, sinh ngày 06/12/2014; Lê Ngọc M, sinh ngày 04/8/2019. Hiện nay cháu P và cháu P1 đang sinh sống cùng anh H và ông bố, mẹ anh H ở khu A xã B, huyện T. Cháu M anh, chị đã cho đi làm con nuôi của anh D, chị D1 là anh trai, chị dâu của anh H ở ô A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang có đầy đủ thủ tục pháp lý về nhận nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật.

Ly hôn chị L cho rằng chị không có chỗ ở cũng như không có công việc ổn định thu nhập khoảng 6.000.000đ (Sáu triệu đồng)/01 tháng. Nên chị L đề nghị giao cả hai con chung là P và P1 cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Quan điểm anh H xin nuôi cả hai con chung không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung vì anh có một cửa hàng sửa chữa điện thoại và điện gia dụng gần

nhà thu nhập khoảng 6.000.000đ/tháng đủ điều kiện nuôi các con ăn học cùng sự trợ giúp của bố, mẹ anh H.

Đối với cháu Lê Ngọc M vợ chồng đã cho làm con nuôi vợ chồng anh D, chị D1 và cháu cũng đã về sinh sống cùng anh D, chị D1 từ năm 2020, hai bên làm đầy đủ thủ tục nhận con nuôi, nên không đề nghị Tòa án giải quyết mà để vợ chồng anh D, chị D1 chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu M.

Về tài sản chung; Công nợ chung; Công sức đóng góp: Anh H và chị L đều xác nhận không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ có quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 điều 51, 55, Luật Hôn nhân gia đình: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xử : Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị L và anh Lê Mạnh H.

- Về con chung: Căn cứ các Điều 78, Điều 80,81,82,83 Luật HNGĐ, căn cứ điểm a, điểm đ, khoản 1 Điều 6, Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân Tối cao đề nghị xử giao cháu P và cháu P1 cho anh H nuôi dưỡng chăm sóc. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh H không yêu cầu.

Đối với cháu M đã được vợ chồng anh D làm thủ tục nhận con nuôi theo đúng quy định. Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 24, Luật nuôi con nuôi; Điều 78 Luật HNGĐ 2014. Không đề nghị xem xét giải quyết đối với cháu M. Nếu có yêu cầu hay tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

- Về án phí: khoản 4 Điều 147 BLTTDS, Luật phí và lệ phí Tòa án, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội; chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Hà Thị L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Lê Mạnh H đây là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Lê Mạnh H đang cư trú tại khu A, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Tam Nông thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập hợp lệ cho anh H rất nhiều lần nhưng anh H đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án không tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với các đương sự. Sau đó, Tòa án xác minh, tiến hành lấy lời khai của anh H, quan điểm của anh H và chị L đều thống nhất được với nhau về các nội dung: quan hệ hôn nhân, giao con, tuy nhiên anh H được báo gọi nhưng từ chối đến Tòa án để tham gia hoà giải với chị L, Tòa án không tiến hành hoà giải được, không ghi nhận được sự thoả thuận giữa chị L và anh H, do vậy cần đưa vụ án ra xét xử. Anh Lê Mạnh H và chị Hà Thị L đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L và anh H.

2. Về nội dung:

[2.1] Xét về mối quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H là hôn nhân hợp pháp, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V (Nay là xã B), huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với bố, mẹ anh H tại khu A, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình chung sống chị L xác nhận vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được nên vợ chồng chị đã ly thân từ đó đến nay. Về phía anh H và mẹ đẻ anh H bà Lê Thị T cho rằng vợ chồng anh H, chị L không có mâu thuẫn gì, năm 2022 chị L tự ý bỏ nhà đi không nói gì cho anh và gia đình biết gia đình cũng không biết chị L đi đâu, làm gì, sau đó chị L có về một lần thăm con rồi lại đi tiếp và xin ly hôn anh H, quan điểm của anh H nhất trí ly hôn vì tình cảm của anh đối với chị cũng không còn.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp quá trình chung sống anh H và chị L có xảy ra mâu thuẫn. Chị L bỏ nhà đi khỏi địa phương từ năm 2022 và

anh H, chị L đã sống ly thân cho đến nay, Điều đó chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của anh H, chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị L, anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn đều nhất nhất trí ly hôn. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện ly hôn của hai bên và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Chị L và anh H đều xác nhận có 03 con chung là Lê Hồng P, sinh ngày 28/10/2013; Lê Hà P1, sinh ngày 06/12/2014; Lê Ngọc M, sinh ngày 04/8/2019. Hiện nay hai cháu P và P1 đang sinh sống cùng anh H và bố mẹ anh H, đối với cháu M là con út của anh H, chị L, hai anh, chị đã cho cháu M làm nuôi anh D và chị D1 là anh trai chị dâu anh H tại thành phố T, vì anh D, chị D1 không sinh được con, hiện tại cháu M đang sinh sống cùng anh D, chị D1 từ năm 2020 đến nay, cuộc sống của cháu ổn định. Vợ chồng anh D, chị D1 làm đầy đủ thủ tục về nhận nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật.

Anh H và chị L đều thống nhất ly hôn để anh H tiếp tục trực tiếp nuôi dạy hai con chung là Lê Hồng P và Lê Hà P1. Nguyên vọng của hai cháu cũng xin được ở với anh H nếu bố mẹ ly hôn. Cuộc sống hai cháu P1 và P được anh H và bố mẹ anh H chăm sóc rất tốt, các cháu chăm ngoan học giỏi, hằng năm được tặng giấy khen của Phòng giáo dục và UBND huyện. Về thu nhập hiện anh H có cửa hàng kinh doanh sửa chữa điện thoại và đồ điện gia dụng gần nhà, anh H khẳng định có đủ điều kiện để nuôi hai con ăn học không yêu cầu chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. yêu cầu này của anh H là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

Đối với cháu Lê Ngọc M, anh H và chị L đều thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết vì cháu đã làm con nuôi vợ chồng anh D, chị D1, yêu cầu này của anh H và chị L phù hợp với khoản 1, khoản 4 Điều 24 Luật nuôi con nuôi.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị L, anh H đều xác nhận không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Án phí ly hôn sơ thẩm chị L phải chịu theo quy định của pháp luật

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 55, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, đ khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2024 ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán TANDTC; khoản 1, 4 Điều 24 Luật nuôi con nuôi; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị L và anh Lê Mạnh H.

2. *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Anh Lê Mạnh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Lê Hồng P, sinh ngày 28/10/2013; Lê Hà P1, sinh ngày 06/12/2014 chị Hà Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H vì anh H tự nguyện không yêu cầu.

Đối với cháu Lê Ngọc M sinh ngày 04/8/2019 đã làm con nuôi của người khác, anh H chị L đều không đề nghị xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình*: Chị L và anh H đều xác nhận không có và không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Hà Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/2023/0003448 ngày 30/5/2024 của chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Hà Thị L và anh Lê Mạnh H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND H. Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Bắc Sơn;
- Lưu HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Phùng Thị Ái Nguyên**